

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **513/2020/KDTM-PT**
Ngày: 15/6/2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai
Các Thẩm phán: Bà Hà Thanh Thủy
Bà Nguyễn Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Kim Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 97/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7 bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1635/2020/QĐPT-KDTM ngày 22/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4791/2020/QĐ-HPT ngày 22/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH NL

Trụ sở: Ấp 4, xã BL, huyện V, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông H, sinh năm 1974 – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1971; địa chỉ: 22 (150/5) NVH, khu phố 3, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: 283/60 T, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 07/7/2018) – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần G Việt Nam

Trụ sở: Phòng 4.33 Tầng 4 khu X2, SC – NT, số 27 đường NHT, phường T, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông V, sinh năm 1974 – chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ: số A1/4 khu phố 2, phường T, Thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

3. Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/8/2018, Nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/2017, Công ty TNHH NL và Công ty cổ phần G Việt Nam đã ký Hợp đồng kinh tế số 006/2017/HĐMB-NL

Theo Hợp đồng, từ tháng 4/2017 đến tháng 9/2017, Công ty TNHH NL đã nhiều lần cung cấp sản phẩm hàng hóa cho Công ty cổ phần G Việt Nam theo yêu cầu như sau:

- + Phiếu giao hàng số MAR/013/04 ngày 08/4/2017
- + Phiếu giao hàng số MAR/018/04 ngày 12/4/2017
- + Phiếu giao hàng số MAR/025/04 ngày 18/4/2017
- + Phiếu giao hàng số MAR/036/04 ngày 27/4/2017
- + Phiếu giao hàng số MAR/030/09 ngày 26/9/2017

Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/3/2018 giữa Công ty TNHH NL và Công ty cổ phần G Việt Nam, thì đến ngày 14/3/2018, Công ty cổ phần G Việt Nam còn nợ với số tiền gốc là 185.000.000 đồng.

Công ty TNHH NL đã nhiều lần yêu cầu Công ty cổ phần G Việt Nam thanh toán toàn bộ số nợ còn lại nhưng Công ty cổ phần G Việt Nam lảng tránh trách nhiệm không thanh toán.

Yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần G Việt Nam phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH NL toàn bộ số tiền: 234.288.195 đồng, bao gồm:

- + Nợ gốc: 185.000.000 đồng
- + Tiền lãi trong hạn: (tạm tính đến ngày 07/7/2018) x 10%/năm (lãi của Ngân hàng ACB) là 19.715.278 đồng
- + Tiền lãi quá hạn: (tạm tính đến ngày 07/7/2018) x 10%/ năm x 150% (lãi của Ngân hàng ACB) là 29.572.917 đồng

Lãi quá hạn phát sinh cho đến ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Tại đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 20/02/2019, Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần G Việt Nam phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH NL toàn bộ số tiền: 59.232.229,17 đồng, bao gồm:

- + Phạt Hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 301 Luật Thương mại năm 2005): 185.000.000 đồng x 8% = 14.800.000 đồng.

+ Thù lao luật sư: 35.000.000 đồng
+ Phí thi hành án (điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư 216/2016/TT-BTC):
314.407.639 đồng x 3% = 9.432.229,17 đồng

Và những yêu cầu khác đã được Tòa án thụ lý.

- Tại đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 17/6/2019, Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện sau:

+ Thù lao luật sư: 35.000.000 đồng
+ Phí thi hành án (điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư 216/2016/TT-BTC):
314.407.639 đồng x 3% = 9.432.229,17 đồng

- Tại Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 27/11/2019, phía Nguyên đơn trình bày:

+ Không yêu cầu tính tiền lãi trong hạn: (tính đến ngày 29/11/2019) x 10%/năm (Lãi của Ngân hàng ACB): 45.923.611 đồng.

+ Không yêu cầu tính phạt hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán: (Điều 301, Luật thương mại 2005): 185.000.000 đồng x 8% = 14.800.000 đồng.

+ Thay đổi yêu cầu tính lãi quá hạn, được tính từ ngày 15/3/2018 cho đến ngày 29/11/2019 với tổng số tiền lãi là 39.923.000 đồng (theo lãi suất quá hạn liên ngân hàng là 12.45%/năm).

+ Đề nghị tính lãi kể từ ngày có Bản án sơ thẩm đối với số tiền mà Công ty cổ phần G Việt Nam chưa thanh toán.

Công ty TNHH NL yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 buộc Công ty cổ phần G Việt Nam phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH NL toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi 224.923.000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng), bao gồm:

STT	Từ ngày	Đến ngày	Số nợ tính lãi	Số ngày tính lãi	Lãi quá hạn/tháng	Tiền lãi	Tổng cộng
1	15-03-2018	29-11-2019	35,000,000	624	0.0104	7,553,000	42,553,000
2	15-03-2018	29-11-2019	37,500,000	624	0.0104	8,092,500	45,592,500
3	15-03-2018	29-11-2019	37,500,000	624	0.0104	8,092,500	45,592,500
4	15-03-2018	29-11-2019	37,500,000	624	0.0104	8,092,500	45,592,500
5	15-03-2018	29-11-2019	37,500,000	624	0.0104	8,092,500	45,592,500
CỘNG			185,000,000			39,923,000	224,923,000

Tòa án nhân dân Quận 7 đã triệu tập hợp lệ đối với Bị đơn tham gia tố tụng nhưng Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không rõ lý do. Nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 97/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7 quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty TNHH NL.

2. Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần Growfeed Việt Nam phải trả cho Công ty TNHH NL tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 224.923.000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 185.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng) và nợ lãi quá hạn là 39.923.000 đồng (Ba mươi chín triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày 30/11/2019, Công ty Cổ phần G Việt Nam còn phải trả cho Công ty TNHH NL tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất 12,45%/năm cho đến khi trả hết số tiền nợ.

3. Trường hợp Công ty Cổ phần G Việt Nam chậm thanh toán số tiền trên thì Công ty TNHH NL có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 26/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị các nội dung sau: Tòa án nhân dân Quận 7 có nhận định việc rút các yêu cầu của nguyên đơn nhưng không tuyên đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút là vi phạm Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Về phần lãi do chậm thanh toán, Tòa án nhân dân Quận 7 chưa tiến hành làm rõ thỏa thuận của các đương sự về lãi suất do chậm thanh toán tại hợp đồng mà đã áp dụng lãi suất trung bình của 3 ngân hàng thương mại tại thời điểm xét xử là chưa phù hợp với thỏa thuận của các đương sự; Tòa án cấp sơ thẩm cũng không căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 để tuyên nghĩa vụ chịu lãi trong trường hợp chậm thi hành án là thiếu sót; Đồng thời cách tuyên “*Kể từ ngày 30/11/2019, Công ty Cổ phần G Việt Nam còn phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn NL tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất 12,45%/năm cho đến khi trả hết số tiền nợ*” và “*Trường hợp Công ty Cổ phần G Việt Nam chậm thanh toán số tiền trên thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn NL có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả*” trong giai đoạn thi hành án là không nhất quán và thiếu tính khả thi. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ yêu cầu mà nguyên đơn đã rút, xác định lại số tiền lãi chậm trả mà bị đơn phải chịu và tuyên phần tiền lãi trong giai đoạn thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là Công ty TNHH NL có ông T đại diện ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên các nội dung, yêu cầu đã trình bày tại Tòa án, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Bị đơn đã được tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về hình thức: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng nghị: Ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân Quận 7 đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 97/2019/KDTM-ST. Ngày 26/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị một phần bản án sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn, Công ty TNHH NL khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty Cổ phần G Việt Nam có trụ sở tại Quận 7. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 3 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân Quận 7 có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm do có kháng nghị.

[3] Về nội dung:

Căn cứ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu đình chỉ do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ngày 27/11/2019, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu tính tiền lãi trong hạn, không yêu cầu tính phạt hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cấp sơ thẩm đã nhận định việc rút một phần yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nhưng không đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu này của nguyên đơn là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3.2] Về phần lãi do chậm thanh toán: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 để áp dụng lãi suất trung bình của 3 Ngân hàng thương mại xác định mức lãi suất 12,45% phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn đưa ra nên chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 4 Hợp đồng kinh tế số 06/2017/HĐMB-NL ngày 01/7/2017, các bên thỏa thuận “*Nợ quá hạn sẽ bị tính lãi quá hạn theo quy định tại thời điểm quá hạn, áp dụng theo mức lãi suất của Ngân hàng bên A đang giao dịch*”. Cũng tại Hợp đồng này, ghi nhận phần thông tin của Công ty NL có ghi số tài khoản được mở tại “*Ngân hàng ACB – Phòng giao dịch Tân Tiến – Biên Hòa – Đồng Nai*”. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005, trường hợp các bên có thỏa thuận thì lãi suất do chậm thanh toán theo sự thỏa thuận của các bên. Tại Điều 4 Hợp đồng 06 nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc lãi suất tính theo lãi suất của ngân hàng bên A đang giao dịch mà cụ thể là Ngân hàng ACB – Phòng Giao dịch Tân Tiến – Biên Hòa – Đồng Nai nhưng lại không ghi nhận một mức lãi suất cụ thể. Căn cứ công văn số 29/CV-TTi.20 ngày 25/5/2020, Ngân hàng TMCP Á Châu – Phòng giao dịch Tân Tiến cung cấp cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì lãi suất vay ngắn hạn tại thời điểm 14/3/2018 có nhiều mức lãi suất khác nhau. Như vậy, mặc dù các bên có thỏa thuận về lãi nhưng không thể xác định được mức lãi suất cụ thể sẽ được áp dụng nên trường hợp này quay lại áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là đúng. Do đó, giữ nguyên phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn của nguyên đơn theo lãi suất 12,45%/năm, số tiền 39.923.000 (ba mươi chín triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

[3.3] Bản án cấp sơ thẩm có quyết định về lãi và lãi suất nhưng lại không áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án là có thiếu sót.

[3.4] Về cách xác định tiền lãi trong giai đoạn thi hành án: Quan hệ tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh thương mại, thuộc phạm vi điều chỉnh của luật chuyên ngành là Luật Thương mại năm 2005. Tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 cũng quy định về việc quyết định mức lãi suất chậm trả những trường hợp thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, mức lãi suất xác định trong trường hợp tranh chấp của vụ án này là 12,45% theo nhận định nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm vừa tuyên nghĩa vụ thanh toán lãi phát sinh theo mức lãi suất 12,45% vừa tuyên theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là mâu thuẫn, không thể thi hành án được.

Từ những phân tích ở trên, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ để chấp nhận, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 97/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 theo hướng phân tích như trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 3 Điều 38; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Khoản 1 Điều 148, Điều 259, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 8 Điều 3, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí năm 2009;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014);

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 97/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH NL về việc yêu cầu bị đơn - Công ty Cổ phần G Việt Nam thanh toán:

- Tiền lãi trong hạn tính đến ngày 29/11/2019 là 45.923.611 (Bốn mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm mười một) đồng.

- Tiền lãi phạt hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty TNHH NL:

2.1 Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần G Việt Nam phải trả cho Công ty TNHH NL tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 224.923.000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 185.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng) và nợ lãi quá hạn là 39.923.000 đồng (Ba mươi chín triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng).

2.2 Kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi Công ty Cổ phần G Việt Nam thi hành án xong, Công ty Cổ phần G Việt Nam còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 12,45%/năm.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần G Việt Nam phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 11.246.150 đồng (Mười một triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm năm mươi đồng).

Công ty TNHH NL không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty TNHH NL số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 5.857.205 đồng (Năm triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm lẻ năm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0025802 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Như Mai